

BIỂU PHÍ THẺ GHI NỢ BVBank

(Áp dụng từ ngày 02/06/2026)

STT	Loại phí	Thẻ ghi nợ quốc tế Visa Debit	Thẻ ghi nợ nội địa Digimi
1	Phí phát hành thẻ		
1.1	KH cá nhân	Thẻ phi vật lý: Miễn phí Thẻ vật lý: 110.000 đồng	
1.2	KH Payroll/ KH VIP (Priority)	Thẻ phi vật lý: Miễn phí Thẻ vật lý: 110.000 đồng	Miễn phí
2	Phí thường niên		
2.1	KH cá nhân	66.000 đồng	
2.2	KH Payroll/ KH VIP (Priority)	66.000 đồng	Miễn phí
3	Phí thay thế thẻ (*)	110.000/lần	
4	Phí xử lý giao dịch ngoại tệ	3.5% số tiền giao dịch	Không áp dụng
5	Phí rút tiền mặt		
5.1	Tại ATM BVBank	Miễn phí	
5.2	Tại ATM Ngân hàng khác trong nước	KH cá nhân & KH Payroll/ KH VIP (Priority) : 8.800/lần	• KH cá nhân: 8.800/lần • KH Payroll/ KH VIP (Priority): Miễn phí

5.3	Tại ATM Ngân hàng khác ngoài nước	3.0% số tiền giao dịch, tối thiểu 44.000/lần	Không áp dụng
6	Phí chuyển khoản		
6.1	Tại ATM BVBank	Miễn phí	
6.2	Tại ATM Ngân hàng khác	Không áp dụng	Miễn phí
7	Phí tra cứu số dư		
7.1	Tại ATM BVBank	Miễn phí	
7.2	Tại ATM Ngân hàng khác	8.800/lần	
8	Phí in sao kê		
8.1	Tại ATM BVBank	Miễn phí	
8.2	Tại ATM ngân hàng khác	8.800/lần	
9	Phí nhận tiền theo dịch vụ Visa Direct	Miễn phí	
10	Phí khiếu nại giao dịch	110.000 đồng/lần	Không áp dụng

Lưu ý:

- Đơn vị tính: VNĐ
- Biểu phí đã bao gồm VAT.
- Phí dự phòng biến động tỷ giá (áp dụng đối với các giao dịch khác VNĐ): từ 0-2% số tiền giao dịch
- (*) Chỉ áp dụng đối với thẻ vật lý, không áp dụng trong trường hợp phát hành lại thẻ do hết hạn hoặc do yêu cầu của Ngân hàng.